TỔNG CÔNG TY MAY 10- CTCP

Số: 970 /Tcty

V/v: Công bố thông tin hồi tố BCTC riêng và hợp nhất năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên tổ chức: Tổng công ty May 10 – CTCP
- Mã chứng khoán: M10
- Địa chỉ: 765A Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024.38276923 Fax: 024.38276925

2. Nội dung công bố thông tin:
- Điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của Tổng công ty May 10 – CTCP theo kết luận của kiểm toán Nhà nước tại Biên bản Kiểm toán Nhà nước cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.
- Số liệu được trình bày lại như sau:

a. Báo cáo tài chính riêng:

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo (Vnđ)	Số kiểm toán (Vnđ)	Chênh lệch (Vnđ)
A	B	1	2	3 = 2-1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**2,092,652,953,100**	**2,144,244,908,090**	**51,591,954,990**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**551,667,967,896**	**605,396,149,718**	**53,728,181,822**
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	15,221,528,153	18,766,004,970	3,544,476,817
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	(91,914,186,742)	(41,730,481,737)	50,183,705,005
IV. Hàng tồn kho	**140**	**894,603,666,204**	**892,359,365,182**	**(2,244,301,022)**
1. Hàng tồn kho	141	898,712,472,673	896,468,171,651	(2,244,301,022)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	**160**	**110,244,865,791**	**110,352,939,981**	**108,074,190**
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	11,464,000	119,538,190	108,074,190
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**656,045,432,850**	**663,854,880,152**	**7,809,447,302**
II. Tài sản cố định	**220**	**577,753,803,837**	**585,281,122,747**	**7,527,318,910**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	576,053,576,897	583,580,895,807	7,527,318,910
- Nguyên giá	222	1,924,185,830,176	1,931,821,153,389	7,635,323,213
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(1,348,132,253,279)	(1,348,240,257,582)	(108,004,303)
VII. Tài sản dài hạn khác	**270**	**57,080,475,009**	**57,362,603,401**	**282,128,392**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	57,080,475,009	57,362,603,401	282,128,392
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**	**2,748,698,385,950**	**2,808,099,788,242**	**59,401,402,292**
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**2,062,211,385,636**	**2,064,158,313,783**	**1,946,928,147**
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**1,864,872,956,732**	**1,866,819,884,879**	**1,946,928,147**

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo (Vnđ)	Số kiểm toán (Vnđ)	Chênh lệch (Vnđ)
A	B	1	2	3 = 2-1
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	37,721,471,845	40,576,445,810	2,854,973,965
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	6,334,675,695	5,426,629,877	(908,045,818)
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**686,487,000,314**	**743,941,474,459**	**57,454,474,145**
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	182,623,198,993	240,077,673,138	57,454,474,145
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b	179,863,709,228	237,318,183,373	57,454,474,145
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**	**2,748,698,385,950**	**2,808,099,788,242**	**59,401,402,292**
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**5,003,197,518,480**	**5,006,133,860,215**	**2,936,341,735**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**5,003,167,673,019**	**5,006,104,014,754**	**2,936,341,735**
4. Giá vốn hàng bán	11	4,468,543,230,537	4,470,505,403,167	1,962,172,630
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**	**534,624,442,482**	**535,598,611,587**	**974,169,105**
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	114,980,776,604	115,058,490,951	77,714,347
9. Chi phí bán hàng	25	248,708,207,959	248,345,579,318	(362,628,641)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	114,008,020,311	64,185,531,272	(49,822,489,039)
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23+ 25 + 26)+ 27}	**30**	**212,745,306,450**	**263,982,307,582**	**51,237,001,132**
13. Thu nhập khác	31	6,979,742,065	15,336,111,096	8,356,369,031
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**	**601,004,719**	**8,957,373,750**	**8,356,369,031**
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**	**213,346,311,169**	**272,939,681,332**	**59,593,370,163**
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33,482,601,941	35,621,497,959	2,138,896,018
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**	**179,863,709,228**	**237,318,183,373**	**57,454,474,145**

b. Báo cáo tài chính hợp nhất:

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo (Vnđ)	Số kiểm toán (Vnđ)	Chênh lệch (Vnđ)
A	B	1	2	3 = 2-1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**2,094,088,030,559**	**2,145,679,985,549**	**51,591,954,990**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**548,296,121,473**	**602,024,303,295**	**53,728,181,822**
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	15,221,528,153	18,766,004,970	3,544,476,817
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	(91,914,186,742)	(41,730,481,737)	50,183,705,005
IV. Hàng tồn kho	**140**	**898,040,587,496**	**895,796,286,474**	**(2,244,301,022)**
1. Hàng tồn kho	141	902,149,393,965	899,905,092,943	(2,244,301,022)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	**160**	**110,318,108,939**	**110,426,183,129**	**108,074,190**
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	11,464,000	119,538,190	108,074,190
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**652,670,498,869**	**660,479,946,171**	**7,809,447,302**
II. Tài sản cố định	**220**	**577,753,803,837**	**585,281,122,747**	**7,527,318,910**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	576,053,576,897	583,580,895,807	7,527,318,910
- Nguyên giá	222	1,925,049,138,196	1,932,684,461,409	7,635,323,213
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(1,348,995,561,299)	(1,349,103,565,602)	(108,004,303)

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo (Vnđ)	Số kiểm toán (Vnđ)	Chênh lệch (Vnđ)
A	B	1	2	3 = 2-1
VII. Tài sản dài hạn khác	**270**	**57,108,771,283**	**57,390,899,675**	**282,128,392**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	57,108,771,283	57,390,899,675	282,128,392
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**	**2,746,758,529,428**	**2,806,159,931,720**	**59,401,402,292**
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**2,061,806,178,742**	**2,063,753,106,889**	**1,946,928,147**
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**1,864,467,749,838**	**1,866,414,677,985**	**1,946,928,147**
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	38,002,425,600	40,857,399,565	2,854,973,965
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	6,334,675,696	5,426,629,878	(908,045,818)
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**684,952,350,686**	**742,406,824,831**	**57,454,474,145**
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	181,088,549,365	238,543,023,510	57,454,474,145
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b	178,970,000,887	236,424,475,032	57,454,474,145
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**	**2,746,758,529,428**	**2,806,159,931,720**	**59,401,402,292**
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**5,010,690,065,872**	**5,013,626,407,607**	**2,936,341,735**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**5,010,660,220,411**	**5,013,596,562,146**	**2,936,341,735**
4. Giá vốn hàng bán	11	4,471,544,904,408	4,473,507,077,038	1,962,172,630
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**	**539,115,316,003**	**540,089,485,108**	**974,169,105**
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	114,982,448,025	115,060,162,372	77,714,347
9. Chi phí bán hàng	25	254,132,614,731	253,769,986,090	(362,628,641)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	113,974,649,201	64,152,160,162	(49,822,489,039)
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23+ 25 + 26)+ 27}	**30**	**211,846,815,730**	**263,083,816,862**	**51,237,001,132**
13. Thu nhập khác	31	6,989,295,070	15,345,664,101	8,356,369,031
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**	**605,787,098**	**8,962,156,129**	**8,356,369,031**
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**	**212,452,602,828**	**272,045,972,991**	**59,593,370,163**
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33,482,601,941	35,621,497,959	2,138,896,018
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**	**178,970,000,887**	**236,424,475,032**	**57,454,474,145**

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày ..28../ ..10../ 2026 tại đường dẫn: www.garco10.com.vn, mục Quan hệ cổ đông

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY MAY 10 - CÔNG TY CỔ PHẦN
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Long Biên, CN=TỔNG CÔNG TY MAY 10 - CÔNG TY CỔ PHẦN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100101308
Date: 2026-10-28 10:07:46

MAY10 CÔNG TY CỔ PHẦN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Chân Đức Việt